

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG ANH NÂNG CAO

Cấu Trúc It + Be + Adjective + To Infinitive (Mở Rộng & Luyện Thi)

CEFR Level: B1 - C2 | Subject Transformation & Academic Writing

"Chủ ngữ giả 'It' câu văn thêm sáng,
Viết luận chuyên sâu vững bước tương lai!"

1. Định Nghĩa & Công Thức Cốt Lõi

Cấu trúc này giúp chuyển đổi cách diễn đạt từ việc nhấn mạnh đối tượng sang nhấn mạnh tính chất của hành động [cite: 34]. Việc sử dụng chủ ngữ giả "It" mang lại sắc thái khách quan, trang trọng và học thuật hơn (Academic Writing) [cite: 34].

- 1. Cấu trúc mô tả đối tượng (Focus on Subject):** *S + be + Adj + to-infinitive* (Ví dụ: *He is nice to talk to.*) [cite: 34]
- 2. Cấu trúc Chủ ngữ giả "It" (Focus on Action):** *It + be + Adj + to-infinitive (+ Object)* (Ví dụ: *It is nice to talk to him.*) [cite: 34]
- Thêm đối tượng thực hiện:** *It + be + Adj + for someone + to-infinitive* (Ví dụ: *It is difficult for me to understand this grammar.*) [cite: 34]

2. Hệ Thống Ví Dụ Minh Họa Mở Rộng (15+ Tình Huống Viết Luận & Đọc Hiểu)

Dưới đây là hệ thống ví dụ phong phú kèm theo từ loại (Word Family), bản dịch tiếng Việt theo nguyên tắc "Dịch là Diệt (To translate is the same to kill)" và giải thích chi tiết giúp học sinh luyện thi nâng cao:

Nhóm tính từ	Word Family	Câu ví dụ minh họa chi tiết (-ed / -ing / to-inf)	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
Easy / Difficult (Dễ / Khó)	Ease (n), Difficulty (n) (Word Family: <i>easy, easily, difficult, difficulty</i>)	It is difficult to solve this complex math problem.	Bản dịch: Thật khó để giải quyết bài toán phức tạp này [cite: 34]. Giải thích: Nhấn mạnh tính chất khó khăn của hành động giải toán.
Nice / Pleasant (Dễ mến / Thú vị)	Pleasure (n), Please (v) (Word Family: <i>nice, pleasantly, pleasure</i>)	It is nice to talk to experienced teachers.	Bản dịch: Thật tuyệt khi được trò chuyện với những giáo viên có kinh nghiệm [cite: 34]. Giải thích: Bày tỏ cảm xúc tích cực về hành động giao tiếp.
Important / Vital (Quan trọng)	Importance (n), Viality (n) (Word Family: <i>important, importance, vital</i>)	It is vital to follow the strict security rules.	Bản dịch: Việc tuân thủ các quy tắc an ninh nghiêm ngặt là rất quan trọng [cite: 34]. Giải thích: Đánh giá mức độ thiết yếu của hành động.
Dangerous / Risky (Nguy hiểm)	Danger (n), Risk (n, v) (Word Family: <i>danger, dangerous, risk, risky</i>)	It is dangerous to swim in this stormy sea.	Bản dịch: Thật nguy hiểm khi bơi lội ở vùng biển động này [cite: 34]. Giải thích: Cảnh báo mức độ rủi ro của hành động.

Nhóm tính từ	Word Family	Câu ví dụ minh họa chi tiết (-ed / -ing / to-inf)	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
Impossible (Bất khả thi)	Possibility (n), Possible (adj) (Word Family: possible, impossible, possibility)	It is impossible for humans to live without water.	Bản dịch: Con người không thể sống thiếu nước được. <i>Giải thích:</i> Sử dụng cấu trúc for someone để chỉ rõ đối tượng.
Amazing / Wonderful (Kinh ngạc / Tuyệt vời)	Amaze (v), Wonder (n) (Word Family: amaze, amazing, wonder)	It is amazing to work with such a brilliant team.	Bản dịch: Thật tuyệt vời khi được làm việc với một đội ngũ xuất sắc như vậy [cite: 34]. <i>Giải thích:</i> Bày tỏ sự thần phục.
Necessary / Essential (Cần thiết)	Necessity (n), Essence (n) (Word Family: necessary, necessity, essential)	It is essential to practice English every single day.	Bản dịch: Việc luyện tập tiếng Anh mỗi ngày là điều cốt yếu. <i>Giải thích:</i> Khẳng định tính bắt buộc để đạt thành công.
Safe / Secure (An toàn)	Safety (n), Security (n) (Word Family: safe, safety, secure, security)	It is safe to store your data in this cloud system.	Bản dịch: Lưu trữ dữ liệu trong hệ thống đám mây này rất an toàn. <i>Giải thích:</i> Đánh giá độ tin cậy của hành động.
Convenient (Thuận tiện)	Convenience (n) (Word Family: convenience, convenient, conveniently)	It is convenient to pay bills via mobile apps.	Bản dịch: Thanh toán hóa đơn qua ứng dụng điện thoại rất thuận tiện. <i>Giải thích:</i> Nhận định sự tiện lợi trong đời sống.
Hard / Tough (Khó khăn / Gian khổ)	Hardship (n), Toughness (n) (Word Family: hard, hardly, tough)	It is hard for beginners to master pronunciation quickly.	Bản dịch: Thật khó cho người mới bắt đầu để làm chủ phát âm nhanh chóng. <i>Giải thích:</i> Chỉ rõ đối tượng gặp khó khăn.
Useful / Helpful (Hữu ích)	Use (v, n), Help (v, n) (Word Family: use, useful, help, helpful)	It is useful to learn grammar through interactive exercises.	Bản dịch: Việc học ngữ pháp thông qua các bài tập tương tác rất hữu ích. <i>Giải thích:</i> Đánh giá giá trị thực tiễn của phương pháp.
Wrong / Incorrect (Sai trái)	Wrongdoing (n), Correct (adj) (Word Family: wrong, wrongly, correct)	It is wrong to judge people based on their appearance.	Bản dịch: Thật sai trái khi đánh giá con người qua vẻ bề ngoài. <i>Giải thích:</i> Đánh giá đạo đức hoặc tính đúng đắn của hành động.
Wise / Smart (Khôn ngoan)	Wisdom (n), Smartness (n) (Word Family: wise, wisely, smart, smartly)	It is wise to save money for rainy days.	Bản dịch: Thật khôn ngoan khi tiết kiệm tiền cho những ngày khó khăn. <i>Giải thích:</i> Đưa ra lời khuyên hành xử hợp lý.

Nhóm tính từ	Word Family	Câu ví dụ minh họa chi tiết (-ed / -ing / to-inf)	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
Normal / Natural (Bình thường / Tự nhiên)	Norm (n), Nature (n) (Word Family: <i>normal, normality, nature, natural</i>)	It is natural to feel nervous before a big exam.	Bản dịch: Việc cảm thấy lo lắng trước một kỳ thi lớn là điều hết sức tự nhiên. Giải thích: Thừa nhận cảm xúc tâm lý thông thường.
Polite / Rude (Lịch sự / Thô lỗ)	Politeness (n), Rudeness (n) (Word Family: <i>polite, politely, rude, rudely</i>)	It is polite to say thank you when receiving help.	Bản dịch: Thật lịch sự khi nói cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ. Giải thích: Chuẩn mực ứng xử xã hội.

3. Lưu Ý Chuyên Môn & Mẹo Vật Làm Bài

- **Vị trí của giới từ:** Khi chuyển đổi giữa hai cấu trúc, hãy lưu ý giới từ. Trong cấu trúc 1 (***S + be + Adj + to-inf***), giới từ đứng ở **cuối câu** (Ví dụ: *He is nice to talk **to***). Trong cấu trúc 2 (***It + be + Adj + to-inf + Object***), giới từ đứng **trước tân ngữ** (Ví dụ: *It is nice to talk **to** him*) [cite: 34].
- **Sắc thái học thuật:** Cấu trúc chủ ngữ giả ***It*** giúp câu văn cân đối, tránh lặp chủ ngữ và là chìa khóa vàng để đạt điểm cao trong phần viết luận (Essay Writing) của các kỳ thi C1/C2 [cite: 34].

4. Lời Khuyên Dành Cho Học Sinh Luyện Thi

Thành thạo cấu trúc chuyển đổi giữa danh từ/đại từ làm chủ ngữ và chủ ngữ giả ***It*** sẽ giúp các em làm chủ các bài tập viết lại câu (Sentence Transformation), sửa lỗi sai và nâng tầm văn phong trong kỳ thi tuyển sinh lớp 10, tốt nghiệp THPT và các kỳ thi chuyên ngữ [cite: 34].

Chương trình tiếng Anh tương tác “**From ZERO to MASTER**” chạy trên các trình duyệt hiện đại (Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera) [cite: 34].

Mọi thắc mắc xin liên hệ: **Mr. Lê Đại Phong** | 📞 Phone & Zalo: **0971386608** | ✉ Email: **typhoon620@gmail.com** [cite: 34]

Luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp 12 tại: **www.tienganhhaiphong.vn** **CLICK HERE ➡** [cite: 34]